

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**

Tên chương trình: THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Ngành đào tạo: THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Tên tiếng Anh: ELECTRONIC COMMERCE

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

Mã số: 7340122

Hình thức đào tạo: CHÍNH QUI

Tp. Hồ Chí Minh, 2023

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình: THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

Ngành đào tạo: THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Mã ngành: 7340122

Hình thức đào tạo: CHÍNH QUI

(Ban hành tại Quyết định số 1273/QĐ-ĐHSPKT ngày 03/8/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Thời gian đào tạo: 4 năm

2. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp phổ thông trung học

3. Thang điểm, Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thang điểm: 10

Quy trình đào tạo: Theo quyết định số 1727/QĐ-ĐHSPKT ngày 06/9/2021 của Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học.

Điều kiện tốt nghiệp:

Điều kiện chung: Theo quyết định số 1727/QĐ-ĐHSPKT ngày 06/9/2021 của Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học.

Điều kiện của chuyên ngành: không có

4. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

Mục tiêu đào tạo (Objectives)

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực

1. Vận dụng các kiến thức khoa học cơ bản và chuyên ngành để phân tích và giải quyết vấn đề trong hoạt động kinh doanh thương mại điện tử.
2. Trở thành công dân toàn cầu, có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm hiệu quả.
3. Phát triển kỹ năng hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành hệ thống và dự án liên quan lĩnh vực thương mại điện tử nói riêng và kinh doanh nói chung.

CHUẨN ĐẦU RA (Program outcomes)

Expected learning outcome	Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
ELO1	1	Áp dụng được kiến thức khoa học cơ bản và kiến thức cơ sở ngành để phân tích những vấn đề cơ bản trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.	3
	1.1	Ứng dụng toán học trong kinh doanh thương mại	
	1.2	Áp dụng kiến thức khoa học xã hội để phân tích các vấn đề trong kinh doanh thương mại	
	1.3	Ứng dụng kiến thức cơ sở ngành liên quan kinh tế để phân tích những vấn đề cơ bản trong kinh doanh thương mại	
ELO2	2	Vận dụng được kiến thức chuyên ngành về kinh doanh thương mại điện tử để đánh giá, cân nhắc các vấn đề và giải quyết được các vấn đề trong lĩnh vực thương mại điện tử.	5
	2.1	Vận dụng kiến thức chuyên ngành về kinh doanh thương mại để phân tích, đánh giá, cân nhắc các vấn đề, tình huống cơ bản trong lĩnh vực thương mại điện tử	
	2.2	Vận dụng kiến thức chuyên ngành liên quan công nghệ thông tin để phân tích, đánh giá, cân nhắc các vấn đề, tình huống cơ bản trong thương mại điện tử	
	2.3	Kết hợp được các kiến thức kinh doanh thương mại và ứng dụng được các công nghệ hoặc phần mềm để phân tích và phát triển các giải pháp phục vụ cho các hoạt động trong kinh doanh thương mại điện tử.	
ELO3	3	Ứng dụng được các mã nguồn mở hoặc phần mềm công nghệ thông tin để giải quyết được các vấn đề trong lĩnh vực thương mại điện tử.	4
	3.1	Ứng dụng được các mã nguồn mở hoặc phần mềm công nghệ	
	3.2	Khám phá, hiệu chỉnh các phần mềm mã nguồn mở trong lĩnh vực thương mại điện tử.	

	3.3	Thiết kế được giao diện website hay các ứng dụng thương mại điện tử cơ bản phục vụ cho các hoạt động trong kinh doanh thương mại điện tử	
ELO4	4	Tổ chức và thực hiện được các hoạt động nghiên cứu liên quan đến thương mại điện tử.	3
	4.1	Xác định được các vấn đề cần nghiên cứu và các nhiệm vụ cần triển khai trong các nghiên cứu liên quan lĩnh vực thương mại điện tử	
	4.2	Xây dựng được các kế hoạch triển khai các hoạt động nghiên cứu và tổ chức thực hiện được các hoạt động nghiên cứu liên quan đến thương mại điện tử	
	4.3	Phân tích và xử lý được các dữ liệu nghiên cứu, và đưa ra các dự báo thông qua việc vận dụng kết hợp những kiến thức kinh tế xã hội và công nghệ thông tin	
ELO5	5	Hình thành được nhận thức về trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp và sự hội nhập quốc tế	3
	5.1	Hình thành nhận thức về sự hội nhập quốc tế	
	5.2	Hình thành nhận thức về đạo đức nghề nghiệp, ý thức tuân thủ quy định pháp luật	
	5.3	Hình thành nhận thức về trách nhiệm trong công việc và trong xã hội	
ELO6	6	Hình thành năng lực quản trị và kỹ năng làm việc nhóm.	3
	6.1	Hình thành năng lực quản trị như ra quyết định, hoạch định mục tiêu và phát triển các giải pháp kế hoạch	
	6.2	Phát triển kỹ năng làm việc trong nhóm, tổ chức phân công lao động	
	6.3	Hình thành nhận thức về môi trường làm việc trong các tổ chức doanh nghiệp	
ELO7	7	Phát triển khả năng giao tiếp, và giao tiếp được bằng tiếng Anh.	4
	7.1	Phát triển khả năng giao tiếp, đàm phán với khách hàng và đối tác trong kinh doanh	
	7.2	Có khả năng làm việc với tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh.	

	7.3	Có khả năng truyền tải thông tin đến các bên có liên quan thông qua các kênh thông tin khác nhau.	
ELO8	8	Hình thành được ý tưởng khởi nghiệp và phát triển được các mô hình kinh doanh thương mại điện tử.	6
	8.1	Xây dựng ý tưởng, phân tích và đánh giá tính khả thi của ý tưởng dự án kinh doanh	
	8.2	Phát triển được các mô hình kinh doanh, các giải pháp, đánh giá, và lựa chọn được các giải pháp phù hợp để lập kế hoạch khởi nghiệp trong lĩnh vực thương mại điện tử	
	8.3	Triển khai thực tế các mô hình kinh doanh khởi nghiệp liên quan thương mại điện tử	
ELO9	9	Tổ chức, vận hành và kiểm soát được các hoạt động kinh doanh thương mại điện tử.	5
	9.1	Vận hành hệ thống và kiểm soát được các nguồn lực trong doanh nghiệp phục vụ cho hệ thống kinh doanh	
	9.2	Phát triển các kế hoạch hoặc giải pháp cho các hoạt động kinh doanh bán hàng, marketing, logistics, nhân sự cho các dự án hoặc các vấn đề của doanh nghiệp	
	9.3	Tổ chức triển khai hoặc tham gia triển khai các hoạt động cho các dự án kinh doanh của doanh nghiệp	

4.1 Kỹ năng và kiến thức

- Có khả năng phân tích, lập luận cho những vấn đề cơ bản trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.
- Có khả năng ứng dụng được các phần mềm công nghệ thông tin và kết hợp được những kiến thức trong kinh doanh thương mại để đánh giá, cân nhắc các vấn đề và giải quyết được các vấn đề trong lĩnh vực thương mại điện tử.
- Có khả năng tổ chức, vận hành và kiểm soát được các hoạt động kinh doanh thương mại điện tử.
- Hình thành được ý tưởng khởi nghiệp và phát triển được các mô hình kinh doanh thương mại điện tử.
- Có kỹ năng quản trị và làm việc trong một nhóm.

4.2 Thái độ

- Có ý thức về tầm quan trọng của trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp.
- Nhận thức được sự hội nhập quốc tế.

4.3. Trình độ Ngoại ngữ

- Giao tiếp thông thường bằng tiếng Anh ở mức TOEIC 550 hoặc tương đương.
- Đọc và hiểu các tài liệu kỹ thuật tiếng Anh chuyên ngành.

4.4. Khả năng học tập và nâng cao trình độ

- Có đủ kiến thức để tự nghiên cứu một cách độc lập để tiếp tục nghiên cứu ở bậc học cao hơn như thạc sĩ hoặc tiến sĩ.

4.5 Vị trí và khả năng công tác sau khi tốt nghiệp

- Trở thành những chuyên viên marketing, nhân viên kinh doanh trong các doanh nghiệp.
- Tham gia công tác quản lý và triển khai kế hoạch dự án kinh doanh của các doanh nghiệp
- Khởi nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực thương mại điện tử.
- Làm việc tại các trung tâm, viện nghiên cứu về thương mại điện tử.
- Theo học các chương trình sau đại học về thương mại điện tử và kinh doanh quản lý.

5. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 125 tín chỉ (không bao gồm khối kiến thức Ngoại ngữ, Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng).

Đối với kiến thức ngoại ngữ: sinh viên cần phải đạt 2 học phần ngoại ngữ:

- Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh 1 (ENCS140026)- 4 tín chỉ

- Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh 2 (ENCS240026)- 4 tín chỉ

(Theo quyết định số 3776/QĐ-ĐHSPKT ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc quy định các học phần ngoại ngữ trong chương trình đào tạo trình độ đại học).

6. Phân bổ khối lượng các khối kiến thức

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ
KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		27
A. Khối kiến thức bắt buộc		25
I. Lý luận chính trị + Pháp luật		13
1	Triết học Mác-Lênin	3
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2
6	Pháp luật đại cương	2
II. Toán học và KHTN		9
4	Toán kinh tế 1	3
5	Toán kinh tế 2	3
6	Xác suất thống kê ứng dụng	3
III. Nhập môn ngành TMĐT		3 (2+1)
B. Khối kiến thức tự chọn		02
IV. Giáo dục đại cương (theo danh mục)		2
C. Khối kiến thức GDTC + GDQP		
V. Giáo dục thể chất		
1	Giáo dục thể chất 1	
2	Giáo dục thể chất 2	
3	Tự chọn <i>Giáo dục thể chất 3</i>	
VI. Giáo dục quốc phòng		165 tiết

KIẾN THỨC CHUYÊN NGHIỆP	98
A. Khối kiến thức bắt buộc	88
VII. Cơ sở nhóm ngành và ngành	20
VIII. Chuyên ngành	58
IX. Chuyên đề thực hành	2
X. Thực tập tốt nghiệp	2
XI. Khóa luận tốt nghiệp	6
B. Khối kiến thức tự chọn	10
XII. Cơ sở nhóm ngành và ngành (theo danh mục)	4
XIII. Chuyên ngành (theo danh mục)	6

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH (tên và khối lượng các học phần bắt buộc)

A – PHẦN BẮT BUỘC

7.1.a KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1	LLCT130105	Triết học Mác-Lênin	3	
2	LLCT120205	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	LLCT130105
3	LLCT120405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	LLCT130105
4	LLCT120314	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	LLCT130105
5	LLCT220514	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	LLCT130105, LLCT120205, LLCT120405, LLCT120314
6	GELA220405	Pháp luật đại cương	2	
7	MATH132701	Toán kinh tế 1	3	
8	MATH132801	Toán kinh tế 2	3	MATH132701
9	MATH132901	Xác suất thống kê ứng dụng	3	
10	ECOM130108	Nhập môn ngành TMĐT	3(2+1)	
11		Tự chọn đại cương	2	
12	PHED110513	Giáo dục thể chất 1		
13	PHED110613	Giáo dục thể chất 2		
14	PHED130715	Giáo dục thể chất 3		
15	-	Giáo dục quốc phòng	165 tiết	
Tổng			27	

7.2.a KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP

7.2.1.a Kiến thức cơ sở nhóm ngành và ngành

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
16	FUMA230806	Quản trị học căn bản	3	
17	ECON240206	Kinh tế học	4	
18	ECLA324208	Luật thương mại điện tử	2	
19	REBU234108	Nghiên cứu trong kinh doanh	3	
20	MAOP230706	Tối ưu hóa	3	MATH132701 MATH132801
21	APCM230307	Tin học ứng dụng	3 (2+1)	

22	ESYM223008	Chuyên đề doanh nghiệp (TMĐT)	2	
Tổng			20	

7.2.2.a Kiến thức chuyên ngành

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
23	WEDE333308	Thiết kế WEB	3	
24	ERPS431208	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)	3 (2+1)	
25	FUBY333808	Lập trình căn bản Python	3 (2+1)	
26	EPAY431408	Thanh toán điện tử	3	
27	ECOS431508	Bảo mật thương mại điện tử	3	
28	EMAR431108	Marketing điện tử	3	
29	ABDA433708	Ứng dụng phân tích dữ liệu lớn trong kinh doanh (Big Data)	3	
30	ECOM431308	Thương mại điện tử	3	
31	DNET332208	Mạng giao tiếp dữ liệu	3	
32	INBU220508	Kinh doanh quốc tế	2	
33	SAMA332008	Quản trị bán hàng	3	
34	FIMA430807	Quản trị tài chính	3	
35	FTMA430908	Quản trị ngoại thương	3	
36	PRMA434308	Quản trị dự án	3	
37	LOMA332509	Quản trị logistics	3	
38	IHRM232708	Quản trị nguồn nhân lực quốc tế	3	
39	IBST432808	Chiến lược kinh doanh quốc tế	3	
40	BPLA121808	Kế hoạch khởi nghiệp	2	
41	IBNE332908	Đàm phán thương mại quốc tế	3	
42	ELOG332509	E-Logistics	3	
Tổng			58	

7.2.3.a Kiến thức thực hành, thực tập tốt nghiệp

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
43	INTE421608	Thực tập tốt nghiệp (TĐT)	2	
44	PRAC321908	Chuyên đề thực hành	2	
Tổng			4	

7.2.4.a Khóa luận tốt nghiệp

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước
45	ECGR461708	Khóa luận tốt nghiệp (TĐT)	6	HT_EAAM416903 HT_GRAP426703
Tổng			6	

Ghi chú: sinh viên phải đạt kỳ thi kiểm tra năng lực “Qualified exam” theo quy định Nhà Trường.

B – PHẦN TỰ CHỌN

7.1.b KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (Sinh viên tự chọn 1 trong các môn học sau)

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước
-----	------------	--------------	------------	-------------

46	ORBE320106	Hành vi tổ chức	2	
47	PSBU220408	Tâm lý học kinh doanh	2	
48	BCUL320506	Văn hóa doanh nghiệp	2	
49	CCUL224408	Quản trị đa văn hóa	2	

7.2.b KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP

7.2.1.b Kiến thức cơ sở nhóm ngành và ngành (*Sinh viên chọn 2 môn học trong các môn học sau*)

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
50	CUSM321006	Quản trị quan hệ khách hàng	2	
51	BCOM320106	Giao tiếp trong kinh doanh	2	
52	SEQM324008	Quản trị chất lượng dịch vụ	2	
53	CUST422109	Nghiệp vụ hải quan	2	
54	SEMA320907	Thị trường chứng khoán	2	

7.2.2.b Kiến thức chuyên ngành (*Sinh viên chọn 2 môn học trong các môn học sau*)

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
Nhóm kinh doanh thương mại				
55	IBPO333908	Chính sách thương mại quốc tế	3	
56	IMCO334008	Truyền thông marketing tích hợp	3	
57	TFIN330309	Vận tải và bảo hiểm ngoại thương	3	
58	BENG330708	Anh văn thương mại	3	
Nhóm công nghệ thông tin				
59	ANDE333408	Phân tích và thiết kế hệ thống	3	
60	MALE433908	Machine learning (máy học)	3 (2+1)	
61	DMSY233208	Cơ sở dữ liệu	3 (2+1)	
62	MAIS430306	Hệ thống thông tin quản lý (MIS)	3	

C – KIẾN THỨC LIÊN NGÀNH

Sinh viên có thể chọn 6 tín chỉ liên ngành để thay thế các môn học chuyên ngành trong phần tự chọn.

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
63	TMAN431509	Quản trị vận tải	3	
64	LOPA431409	Kỹ thuật xếp dỡ và đóng gói	3	
65	PRAC230407	Nguyên lý kế toán	3	
66	GSCM430809	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	3	
67	INMA332109	Marketing quốc tế	3	
Tổng			6	

D – Các môn học MOOC (Massive Open Online Courses):

Nhằm tạo điều kiện tăng cường khả năng tiếp cận với các chương trình đào tạo tiên tiến, SV có thể tự chọn các khóa học online đề xuất trong bảng sau để xét tương đương với các môn học có trong chương trình đào tạo:

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Môn học được xét tương đương MOOC (đường link đăng ký)
68	MALE433908	Machine learning (máy học)	3 (2+1)	https://www.coursera.org/learn/art-science-ml

69	APCM230307	Tin học ứng dụng	3 (2+1)	https://www.coursera.org/learn/gcp-exploring-preparing-data-bigquery
70	BCOM320106	Giao tiếp trong kinh doanh	2	https://www.coursera.org/learn/from-likes-to-leads
71	EMAR431108	Marketing điện tử	3	https://www.coursera.org/professional-certificates/google-digital-marketing-ecommerce
72	IHRM232708	Quản trị nguồn nhân lực quốc tế	3	https://alison.com/tag/human-resources
Tổng			6	

8. Kế hoạch giảng dạy

Các môn không xếp vào kế hoạch giảng dạy, Phòng Đào tạo sẽ mở lớp trong các học kỳ để sinh viên tự lên kế hoạch học tập:

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	LLCT120205	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	LLCT130105
2.	LLCT120405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	LLCT130105
3.	LLCT120314	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	LLCT130105
4.	LLCT220514	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	LLCT130105, LLCT120205, LLCT120405, LLCT120314
5.	GELA220405	Pháp luật đại cương	2	
6.	PHED110513	Giáo dục thể chất 1	1	
7.	PHED110613	Giáo dục thể chất 2	1	
8.	PHED130715	Giáo dục thể chất 3	3	

Ghi chú: đưa các môn vào lịch cứng theo hướng dẫn

Học kỳ 1:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết
1	MATH132701	Toán kinh tế 1	3	
2	ECOM130108	Nhập môn ngành TMĐT	3 (2+1)	
3	FUMA230806	Quản trị học căn bản	3	
4	APCM230307	Tin học ứng dụng	3 (2+1)	
5	PHED110513	Giáo dục thể chất 1		Bắt buộc mở ở HK1
6	GELA220405	Pháp luật đại cương	2	Bắt buộc mở ở HK1
7	ECLA324208	Luật thương mại điện tử	2	
Tổng			16	

Học kỳ 2:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	MATH132801	Toán kinh tế 2	3	MATH132701
2.	ECON240206	Kinh tế học	4	
3.	MATH132901	Xác suất thống kê ứng dụng	3	
4.	LLCT130105	Triết học Mác-Lênin	3	Bắt buộc mở ở HK2

5.	ECOM431308	Thương mại điện tử	3	
6.		Tự chọn đại cương	2	
Tổng			18	

Học kỳ 3:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	REBU234108	Nghiên cứu trong kinh doanh	3	
2.	FTMA430908	Quản trị ngoại thương	3	
3.	MAOP230706	Tối ưu hóa	3	MATH132701 MATH132801
4.	IHRM232708	Quản trị nguồn nhân lực quốc tế	3	
5.	FUBY333808	Lập trình căn bản Python	3	
6.		Tự chọn cơ sở ngành	2	
Tổng			17	

Học kỳ 4:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	EPAY431408	Thanh toán điện tử	3	
2.	WEDE333308	Thiết kế WEB	3	
3.	INBU220508	Kinh doanh quốc tế	2	
4.	SAMA332008	Quản trị bán hàng	3	
5.	LOMA332509	Quản trị logistics	3	
6.	PRAC321908	Chuyên đề thực hành	2	
7.		Tự chọn cơ sở ngành	2	
Tổng			18	

Học kỳ 5:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	EMAR431108	Marketing điện tử	3	
2.	ABDA433708	Ứng dụng phân tích dữ liệu lớn trong kinh doanh (Big Data)	3	
3.	IBNE332908	Đàm phán thương mại quốc tế	3	
4.	DNET332208	Mạng giao tiếp dữ liệu	3	
5.	IBST432808	Chiến lược kinh doanh quốc tế	3	
6.		Tự chọn chuyên ngành	3	
Tổng			18	

Học kỳ 6:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	FIMA430807	Quản trị tài chính	3	
2.	ELOG332509	E-Logistics	3	
3.	ECOS431508	Bảo mật thương mại điện tử	3	
4.	ERPS431208	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)	3	
5.	PRMA434308	Quản trị dự án	3	
6.	BPLA121808	Kế hoạch khởi nghiệp	2	
7.		Tự chọn chuyên ngành	3	

Tổng	20	
-------------	-----------	--

Học kỳ 7:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	ESYM223008	Chuyên đề doanh nghiệp (TMĐT)	2	
2.	INTE421608	Thực tập tốt nghiệp (TĐT)	2	
Tổng			4	

Học kỳ 8:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	ECGR461708	Khóa luận tốt nghiệp TĐT	6	Sinh viên năm 4
Tổng			06	

Ngày.... tháng.... năm....

Hiệu trưởng

Trưởng khoa